

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 26/2021/HSST
Ngày 15 tháng 11 năm 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Vinh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Đưng Knul, ông Trần Vĩnh Trung.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa:
Ông **Y Rin Niê KDăm** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2021/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXX-HS ngày 01 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Y Z - Sinh ngày: 17/5/1996, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Buôn E, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Êđê.

Con ông Y Ô, sinh năm: 1974 và bà H, sinh năm: 1980.

Bị cáo chung sống như vợ chồng với bà H N, sinh năm: 1985.

Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2016 nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo được tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Y Z: Ông Trần Trung H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Người bị hại: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1966

Trú tại: Số 112, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nông Đình V, sinh năm 1985

Trú tại: Thôn 10, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Người làm chứng: Bà H N, sinh năm 1985

Trú tại: Buôn E, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người phiên dịch: Bà H X – Sinh năm 1988, công tác tại Đài TT-TH huyện B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016, bị cáo Y Z có hộ khẩu thường trú buôn C, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, đến sinh sống như vợ chồng với chị H N, trú tại buôn E, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình sinh sống, làm việc bị cáo Y Z làm thuê theo thời vụ cho ông Lê Văn Th, trú tại 112, phường T, Tp. B tại vườn rẫy cà phê thuộc buôn E, xã E. Năm 2018, ông Th mua thanh lý chiếc xe công nông có đặc điểm: Đầu xe hiệu Đông Phong, 15 mã lực; dàn Đông Phong Trung Quốc, màu xanh; Rơ móc bằng sắt đã cũ của Công ty Cổ phần M 10 – Ureco 10, với giá 8.000.000 đồng. Sau đó, ông Th thay thế đầu máy xe hiệu Đông Phong, 15 mã lực trên bằng một đầu máy khác hiệu Cao Phong, 24 mã lực, đã qua sử dụng với giá 4.000.000 đồng và mang xe công nông trên vào rẫy của gia đình tại buôn E, xã E, huyện B để phục vụ sản xuất. Do Y Z thường xuyên làm thuê cho ông Th nên ông Th tin tưởng giao cho Y Z quản lý chiếc xe trên nhưng không thông qua hợp đồng, chỉ thỏa thuận miệng, theo lệ thường sau khi mượn khoảng 01 - 02 ngày thì Y Z trả lại xe cho ông Th. Đến khoảng đầu tháng 4/2021, khi Y Z hỏi mượn ông Th xe công nông trên để chở phân bón cho gia đình thì ông Th đồng ý. Sau đó, Y Z cùng với bà H N, sử dụng xe công nông trên để chở phân bón. Đến ngày 14/4/2021, sau khi sử dụng xe, do không có tiền tiêu xài nên Y Z đã nảy sinh ý định mang xe công nông trên bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, Y Z mang xe công nông trên đến cơ sở mua bán phế liệu của ông Nông Đình V, tại thôn 10, xã T, huyện B, tại đây Y Z đưa ra thông tin gian dối nói là xe của gia đình mình, do xe đã cũ nên có nhu cầu bán. Đồng thời, để tạo lòng tin cho ông V về nguồn gốc tài sản, trước mặt ông V, ông Y Z giả vờ gọi điện cho vợ trao đổi về giá bán. Do tin tưởng là thật nên ông V đồng ý mua với giá 7.000.000 đồng, số tiền bán được Y Z tiêu xài cá nhân hết. Đến khi ông Th yêu cầu mang xe về trả thì Y Z đưa ra nhiều lý do để che giấu, trốn tránh việc trả xe cho ông Th.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTS, ngày 02/6/2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định giá trị xe công nông có đặc điểm như trên tại thời điểm định giá, có giá trị là 8.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, gia đình của Y Z đã thỏa thuận và bồi thường cho ông Th số tiền 10.000.000 đồng. Ngoài khoản tiền nêu trên, thì ông Th không yêu cầu bồi thường gì thêm và đã có đơn rút yêu cầu khởi tố đối với Y Z.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản cho Y Z gồm: Dàn máy, rơ moóc và 02 bánh xe

công nông mà Y Z chiếm đoạt của ông Thuật, cho Y Z quản lý và sử dụng, vì Y Z đã bồi thường đủ giá trị chiếc xe công nông trên cho ông Th.

Cáo trạng số: 30/CT-VKS ngày 22/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, truy tố bị cáo Y Z về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Y Z đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn đã nêu.

Bị hại ông Lê Văn Th trình bày: Năm 2018 ông có mua thanh lý một chiếc xe công nông, sau đó sửa chữa lại và đem vào rẫy của gia đình tại buôn E, xã E, huyện B để phục vụ sản xuất. Do Y Z thường xuyên làm thuê cho gia đình nên ông tin tưởng đã giao xe công nông cho Y Z quản lý. Khoảng đầu tháng 4/2021 Y Z hỏi mượn xe công nông để chở phân bón cho gia đình thì ông đồng ý, theo lệ thường sau khi mượn xe khoảng 01 đến 02 ngày thì Y Z trả xe, nhưng lần này thấy lâu ngày mà Y Z không trả, ông yêu cầu mang xe về trả thì Y Z đưa ra nhiều lý do, trốn tránh việc trả xe nên ông đã trình báo Công an. Sau đó gia đình Y Z đã thỏa thuận bồi thường cho ông số tiền 10.000.000 đồng, nên ông đã viết đơn rút yêu cầu khởi tố và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nông Đình V trình bày: Gia đình ông chuyên thu mua phế liệu, khoảng tháng 4/2021 Y Z đem xe công nông đến và đưa ra thông tin gian dối nói xe của gia đình đã cũ nên muốn bán, hai bên thỏa thuận với giá 7.000.000 đồng, Y Z đồng ý và ông đã giao đủ tiền cho Y Z. Sau đó ông tháo đầu máy bán, khi Công an đến làm việc ông mới biết xe công nông trên không phải của Y Z và Công an đề nghị ông giao Dàn máy, rơ moóc và 02 bánh xe công nông để phục vụ công tác điều tra.

Tại phiên tòa hôm nay giữa bị cáo Y Z và ông Nông Đình V thỏa thuận bồi thường, Y Z có nghĩa vụ giao lại cho ông V dàn máy, rơ moóc và 02 bánh xe công nông để khấu trừ vào số tiền mà ông V đã đưa cho Y Z.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn trình bày quan điểm luận tội đối với bị cáo Y Z: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng số: 30/CT-VKS ngày 22/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn.

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Y Z phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt Y Z từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lê Văn Th không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập.

Chấp nhận việc bị cáo Y Z và ông Nông Đình V thỏa thuận bồi thường, Y Z có nghĩa vụ giao lại cho ông V dàn máy, rơ moóc và 02 bánh xe công nông để khấu trừ vào số tiền mà ông V đã đưa cho Y Z.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản cho Y Z gồm: Dàn máy, rơ moóc và 02 bánh xe công nông cho Y Z quản lý và sử dụng, vì Y Z đã bồi thường đủ giá trị chiếc xe công nông trên cho ông Th.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Y Z: Ông Trần Trung H – Trợ giúp viên pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk có ý kiến tranh luận:

Xét thấy Kiểm sát viên đề nghị mức án đối với bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp. Vì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả; phạm tội gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt: Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, xử dưới mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

Về án phí hình sự sơ thẩm và khấu trừ thu nhập hàng tháng: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo, không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập bằng nghề làm thuê, kinh tế gia đình khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm và khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Kiểm sát viên không có đối đáp, tranh luận gì thêm.

Bị cáo không có ý kiến đối đáp, tranh luận bổ sung gì thêm đối với Quyết định truy tố của Viện kiểm sát và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến đối đáp, tranh luận gì thêm đối với Quyết định truy tố của Viện kiểm sát, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định: Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Y Z; người bào chữa cho bị cáo, người bị hại ông Lê Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Thể hiện do thường xuyên làm thuê cho ông Th nên ông Th tin tưởng giao cho Y Z quản lý chiếc xe trên nhưng không thông qua hợp đồng, chỉ thỏa thuận miệng, theo lệ thường sau khi mượn khoảng 01 - 02 ngày thì Y Z trả lại xe cho ông Th. Đến khoảng đầu tháng 4/2021, khi Y Z hỏi mượn ông Th xe công nông trên để chở phân bón cho gia đình thì ông Th đồng ý. Sau đó, Y Z cùng với bà H N, sử dụng xe công nông trên để chở phân bón. Đến ngày 14/4/2021, sau khi sử dụng xe, do không có tiền tiêu xài nên Y Z đã nảy sinh ý định mang xe công nông trên bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, Y Z mang xe công nông trên đến cơ sở mua bán phế liệu của ông Nông Đình V, tại thôn 10, xã T, huyện B bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định giá trị xe công nông có đặc điểm như trên tại thời điểm định giá, có giá trị là 8.500.000 đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác và gây mất trật tự trị an trong khu vực. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, phải biết được rằng tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo hộ, ai xâm phạm bất hợp pháp sẽ bị pháp luật nghiêm trị, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi cá nhân, ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của ông Lê Văn Th, giao xe công nông cho mình quản lý và sau đó bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi của mình gây ra.

[4] Xét quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn và quan điểm buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận, hành vi của Y Z đã cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Người bị hại ông Lê Văn Thuật viết đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần giải nhẹ hình phạt thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật hình sự.

[6] Về áp dụng hình phạt: Xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn và người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp cần chấp nhận.

Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên làm thuê, công việc và thu nhập hàng tháng không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Xét thấy người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nông Đình V và Y Z đã thỏa thuận bồi thường, Y Z có nghĩa vụ giao lại cho ông V dàn máy, rơ mooc và 02 bánh xe công nông để khấu trừ vào số tiền mà ông V đã đưa cho Y Z là phù hợp nên cần chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Xét thấy việc xử lý vật chứng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, nên cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Xét thấy bị cáo Y Z là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ nghèo và xin miễn toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Y Z phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 175; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Y Z 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Y Z cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách

nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

3. Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Chấp nhận việc thỏa thuận bồi thường giữa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nông Đình V và Y Z; Y Z có nghĩa vụ giao lại cho ông V, Dàn máy, rơ mooc và 02 bánh xe công nông để khấu trừ vào số tiền mà ông V đã đưa cho Y Z.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự. khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản cho Y Z gồm: Dàn máy, rơ mooc và 02 bánh xe công nông, vì Y Z đã bồi thường đủ giá trị chiếc xe công nông trên cho ông Th.

- Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Y Z.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện B;
- Phòng Giám đốc kiểm tra I, TAND.CC Đà Nẵng;
- Bị cáo; Các đương sự;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Tuấn